

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12-7-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Nhất

Bà Trần Thị Kim Khuyên

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/4/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 25/11/2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng nhà bố mẹ anh B. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh B không thay đổi. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 10/9/2011, hiện cháu N đang ở cùng chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu N và không đề nghị anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 25/11/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc gì. Sau khi kết hôn chị N về chung sống cùng gia đình anh. Ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh ngoại tình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 10/9/2011, hiện cháu N đang ở cùng chị N, ly hôn anh để chị N nuôi con.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh B, về con chung giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn B. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 06/4/2022, chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Vì vậy pháp luật áp dụng để

giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa chị N và anh B trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo chị N thì ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, nhưng đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy và sau đó anh B phải chấp hành án do vi phạm pháp luật. Hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ 2011 cho đến nay. Anh B cũng thừa nhận hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N ngoại tình. Do anh B vi phạm pháp luật nên hiện nay đang phải chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang. Việc hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay và anh B vi phạm pháp luật đã bị kết án, việc hai vợ chồng không cùng chung sống nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và anh B đang phải chấp hành án. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn, anh B đồng ý. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 10/9/2011, chị N đề nghị được nuôi cháu N. Việc hai vợ chồng ly hôn và anh B đang phải chấp hành án không có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B đồng ý. Vì vậy để bảo vệ quyền lợi của con chung và chị N cần giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị N có công việc, có thu nhập ổn định và tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[6]. Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị N, anh B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 10/9/2011. Anh B không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006028 ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã L, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghĩa**